

ĐÓNG GÓP CỦA MINH VƯƠNG NGUYỄN PHÚC CHU TRONG CÔNG CUỘC XÂY DỰNG, PHÁT TRIỂN ĐÀNG TRONG VÀ PHẬT GIÁO ĐÀNG TRONG

GIÁC CHINH - TRẦN ĐỨC LIÊM*

A. Tổng luận

Lịch sử hình thành, xây dựng và phát triển vùng đất lãnh thổ miền Nam gắn liền với sự hình thành và phát triển của Hoàng triều Nguyễn. Triều Nguyễn định đô mới nơi vùng đất Đàng Trong hình thành nên cục diện toàn vẹn cho đất nước Việt Nam thân yêu ngày nay.

Nhằm làm sáng tỏ những vấn đề về lịch sử, văn hóa thời các chúa Nguyễn, đặc biệt là chỉ ra những đóng góp của Chúa - Bồ tát Minh Vương Nguyễn Phúc Chu trong sách lược mở rộng bờ cõi, phát triển đạo Phật xứ Đàng Trong. Và nghiên cứu đánh giá vai trò của Phật giáo triều Nguyễn trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc là điều tất yếu của khảo luận tri thức và khoa học xuyên suốt cho đến thời đại chúng ta hiện nay.

Các chúa Nguyễn một mặt xây dựng hệ thống thành lũy kiên cố, như lũy Trường Dục, lũy Nhật Lệ (còn gọi là lũy Thầy), lũy Trường Sa, lũy Trấn Ninh, lũy Sa Phụ để gia tăng phòng thủ, đánh lui các cuộc tiến công của quân đội của Chúa Trịnh, mặt khác mở rộng dần lãnh thổ về phía nam đến tận đồng bằng sông Cửu Long. Khoảng thời gian nửa thế kỷ từ những năm 1627 đến 1672, hai bên đã có các cuộc chiến với nhau lên đến 7 lần mà không có kết quả ngã ngũ; hai họ Trịnh, Nguyễn phải ngừng chiến, lấy đôi bờ sông Gianh làm ranh giới chia cắt lãnh thổ, miền Nam sông Gianh thuộc chủ quyền chúa

Nguyễn, được gọi là Đàng Trong hay Nam Hà, miền Nam thân yêu ngày nay.

Đến năm Tân Mùi - (1691) đức Anh Tông băng hà, quần thần vâng di mệnh, tôn Nguyễn Phúc Chu làm: “Tiết Chế Thủy Bộ chư Dinh kiêm Tổng Nội Ngoại Bình Chương Quân Quốc Trọng Sự Thái Bảo Tộ Quốc Công”¹. Lúc bấy giờ Chúa Phúc mới 17 tuổi. Năm Quý Dậu (1693), sau khi mãn tang, quần thần tấn công Chúa làm Thái phó Quốc công và dâng tôn hiệu là Quốc Chúa, Pháp hiệu là **Thiên Túng Đạo Nhân**.

Thiên Túng Đạo Nhân² hay **Hưng Long Bồ Tát**³ là pháp hiệu của Minh Vương Nguyễn Phúc Chu (H. 阮福澗, 1675 - 1725⁴) là vị chúa Nguyễn⁵ đời thứ sáu của chính quyền Đàng Trong⁶ ở ngôi từ năm 1691 đến năm 1725. Vì vậy, trong một số sử sách và trong dân gian tôn quý gọi Quốc Chúa là Bồ Tát⁷ Thiên Túng Đạo Nhân.

Chúa Nguyễn Phúc Chu người gốc Gia Miêu, huyện Tống Sơn, Thanh Hoá, Việt Nam, sinh ngày 18 tháng 5 năm Ất Mão (11/6/1675) lên ngôi vào ngày 7 tháng 2 năm 1691, và được xưng tụng là Quốc Chúa hay Minh Vương.

B. Nội Dung

1. Bậc đế Vương hiện tài với tầm nhìn chiến lược có lợi cho sự phát triển đất nước

Nguyễn Phúc Chu là một trong những vị chúa nhiều tài ba, tư chất thông minh đỉnh đạt, từ thuở nhỏ văn võ song toàn. Ông sinh năm Ất Mão; là con trưởng của chúa Nghĩa

* Học Viện Phật Giáo Việt Nam tại TP. HCM.

Vương Nguyễn Phúc Thái, mẹ là Tống Thị Đồi ở Tống Sơn, Thanh Hoá, con của Thiếu phó Quận công Tống Phúc Vinh người ở Quý Huyện, tỉnh Thanh Hóa. Về sau bà được phong là Hiếu Nghĩa hoàng hậu. Theo Sách Đại Nam Thực Lục Tiền Biên ghi lại rằng : *“Mẹ của Quốc chúa trước đây được dâng vào hậu triều, sau đó được tuyển làm cung tần. Đến khi có thai, ở nơi phương Tây Nam trên trời mở ra một lỗ, có mây sắc vẩy bọc xung quanh, giữa một luồng ánh sáng rực trời tỏa ngay vào chỗ nhà mẫu hậu ở. Người thức giả cho là điềm tốt. Đến lúc sinh thì được một trai, ánh sáng tỏa rực khắp nhà, đây chính là Hiền tông Hiếu Minh Hoàng đế”*⁸

Là người rất mộ đạo Phật, Chúa có pháp hiệu là Thiên Túng Đạo Nhân hay Hưng Long Cư Sĩ Bồ Tát. Từ khi Chúa vào trấn đất Thuận Hóa⁹ thì miền Nam được mở mang về mọi phương diện. Từ đó, hơn 200 năm Nhà Nguyễn¹⁰ đối với Phật giáo hết lòng tín nhiệm và sùng bái, xem Phật giáo như là khai quốc công thần trong công cuộc khai mở, xây dựng và phát triển xứ sở Đàng Trong. Sách *Hải Ngoại Kỳ Sự* ghi về việc Chúa Phúc Chu thọ giới Bồ Tát như sau: *“Đại Việt Quốc vương Nguyễn Phúc Chu, đệ tử thọ giới tại gia Bồ tát, pháp danh Hưng Long. Kính lễ viết tại phương trượng Tịnh Danh ở nội viện Giác vương, cung phía Tây vào ngày tốt tháng 5 năm Giáp Tý (1696)”*¹¹.

Trong thời gian trị vì ngôi Chúa, Minh Vương đã đóng góp rất nhiều công lao trong việc xây dựng, thiết lập kỷ cương Phật giáo, trùng tu, xây dựng nhiều chùa chiền và quảng bá đạo Phật khắp nước. Vào năm Giáp Tuất, tức năm 1694, Chúa sai người sang Quảng Đông mời Hòa thượng Thích Đại Sán¹² (tức là Thạch Liêm Hòa Thượng) sang thuyết pháp về đạo Phật cho quan lại và dân chúng nghe. Đến năm 1710 đúc chuông, khi ấy Chúa thân làm bài minh khắc vào chuông chùa Thiên Mục. Tiếng vang của Đại hồng chung bao trùm cả kinh thành, không

những đánh tan niềm trần tục, mà còn lắng đọng trong lòng mọi người, cho nên trong dân gian mới có Ca dao đã truyền tụng rằng:

Gió đưa cành trúc la đà

*Tiếng chuông Thiên Mục, canh gà Thọ Xương*³

Thời Nguyễn Phúc Chu, xứ Đàng Trong phát triển rực rỡ nhất trong lịch sử triều Nguyễn, đáng gọi là bước nhảy vọt về kinh tế, chính trị - xã hội, văn hóa - giáo dục, v.v... Chúa lên ngôi năm 1691 thì qua năm sau, năm 1692 ban lệnh cử Cai cơ Nguyễn Hữu Cảnh đánh bắt vua Chăm là Bà Tranh cho lập phủ Thuận Thành¹⁴. Đến năm 1698, Chúa lại cử Nguyễn Hữu Cảnh vào miền Nam kinh lý chi tiết cho lập phủ Gia Định, chia đất Đông Phố thành hai huyện: lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phúc Long, dựng dinh Trấn Biên (Biên Hòa) lấy xứ Sài Gòn làm huyện Tân Bình, dựng dinh Phiên Trấn (Gia Định), đất đai được mở mang rộng rãi. Chúa cho chiêu mộ những dân từ xứ Quảng Bình vào để lập ra thôn xã và khai khẩn ruộng đất. Còn những người Trung Hoa ở đất Trấn Biên thì lập thành xã Thanh Hà, những người ở đất Phiên Trấn thì lập thành xã Minh Hương. Những người này đều thuộc số bộ đất nước ta.

Sự kiện năm 1707, Chúa thu nạp Mạc Cửu¹⁵ (H. 鄭 玖)¹⁶ hay Mạc Kính Cửu (H. 鄭 敬 玖)¹⁷ sinh 1655 - 1735 tại đất Hà Tiên¹⁸ và phong làm Tổng binh trấn Hà Tiên, tức là xác nhập Hà Tiên vào nhà nước Đàng Trong, việc làm này hết sức ý nghĩa trong việc mở mang bờ cõi, dẫy đất miền Tây Nam Bộ ngày nay.

Đến năm 1703, Chúa ra chiếu lệnh, sai tướng Trương Phúc Phan đánh đuổi quân Anh xâm nhập vào vùng biển đảo, lấy lại Côn Đảo. Khi ấy, chính sự trong triều ổn định, nên vào năm 1710 Chúa Phúc cho thu phục hai nước Thủy Xá và Hỏa Xá xác lập vùng đất Tây Nguyên thuộc chủ quyền nhà nước Đàng Trong, diện mạo vùng đất Tây Nguyên ngày nay.

Đặc biệt, vào năm 1711, Chúa còn sai các quan văn võ, thiên văn địa lý hội họp quốc sự và sai đo vẽ quần đảo Trường Sa, chính thức xác lập vùng biển đảo Trường Sa vào địa lý Việt Nam.

2. Kế thừa và phát huy tính truyền thống dân tộc - phát huy tính dân chủ trong công cuộc cải cách đất nước

Chỉ trong vòng 21 năm, từ phía nam Khánh Hòa ngày nay trở vào, nước ta mở rộng đến tận Hà Tiên, vùng Tây Nguyên và biển Đông, tạo nên một nước Việt Nam có diện mạo hoàn chỉnh. Sự nghiệp giữ nước và mở nước cực kỳ quan trọng này đều xảy ra vào thời Chúa Minh, đánh dấu thời kỳ vàng son và là đỉnh cao trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước của Minh Vương - Quốc Chúa Nguyễn Phúc Chu.

Ghi chép về những báo cáo của khách buôn thông thương với đất Quảng Nam, có một số sách của người Trung Quốc như “*An Nam Cung Dịch Ký Sự*” của Chu Thuần Thủy, “*An Nam Ký Du*” của Phan Đình Khuê, “*An Nam Tạp Ký*” của Lý Tiên Căn và “*Hải Ngoại Ký Sự*” của Thích Đại Sán. Các sách hải ngoại này do chính người Trung Hoa viết và ghi chép về Trường Sa và Hoàng Sa. Đáng chú ý nhất trong số sách đó là cuốn “*Hải Ngoại Ký Sự*” do nhà sư Trung Quốc Thích Đại Sán viết năm 1696 sau chuyến thăm Phú Xuân năm 1695. Đây là tác phẩm của người Trung Quốc viết về Quốc Vương, tức là Chúa Nguyễn An Nam và hoạt động của triều đình An Nam tại Hoàng Sa và Trường Sa (tức là Vạn Lý Trường Sa theo cách gọi của người Việt Nam và người nước ngoài thời bấy giờ). Đây là tư liệu cổ chứng tỏ hoạt động thực thi chủ quyền của Việt Nam đối với hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa đã được người nước ngoài biết đến, trong đó có người Trung Quốc.

Hoạt động trên biển Đông thông thương qua lại, trong Quyển 3 của cuốn “*Hải Ngoại Ký Sự*”, Sư Thích Đại Sán có đoạn chép về

đường qua biển Đông như sau: “*Khách có người bảo: mùa gió xuôi trở về Quảng Đông chừng vào độ nửa tháng trước và sau mùa lập Thu. Chừng ấy gió Tây Nam thổi mạnh, chạy một lèo gió xuôi chừng 4, 5 ngày đêm có thể đến Hồ Môn. Nếu chờ đến sau mùa nắng, gió bắc dần dần nổi lên, nước chảy về hướng Đông, sức gió Nam yếu, không chống nổi dòng nước chảy mạnh về phía Đông, lúc đó sẽ khó giữ được sự yên ổn. Bởi vì có những cồn cát nằm thẳng dọc biển, chạy từ Đông Bắc qua Tây Nam; đống cát dựng đứng như vách tường, bãi thấp cũng ngang mặt nước biển, mặt cát khô rắn như sắt, rui thuyền đụng phải hắt tan tành; bãi cát rộng hàng trăm dặm, chiều dài thăm thẳm chẳng biết bao nhiêu mà kể gọi là Vạn lý Trường Sa, mù tít chẳng có cây nhà cửa. Nếu thuyền bị trái gió, trái nước mà lạc vào, dầu không tan nát cũng không gạo không nước, trở thành ma đói mà thôi. Quãng ấy cách Đại Việt 7 ngày đường, chừng 700 dặm¹⁹. Quốc Vương²⁰ trước, hàng năm sai thuyền đánh cá đi dọc từng bãi cát, lượm vàng bạc, khí cụ của các thuyền hư hỏng dạt vào. Mùa thu nước ròng cạn rút về phía Đông, bị một ngọn sóng đưa đi, thuyền có thể trôi xa hàng trăm dặm; sức gió chẳng mạnh sợ gặp hiểm họa Trường Sa²¹.*”

Lược bản về tác phẩm *Hải Ngoại Ký Sự* là tác phẩm cổ sử học Phật giáo giai đoạn này đã có một diện mạo rất khách quan và hoàn chỉnh khi người ngoại quốc nói về “*Đất Nam Kỳ là đất của nhà Nguyễn khai sáng ra.*”²² Trong tác phẩm Sư Đại Sán gọi Chúa Nguyễn Phúc Chu là Quốc Vương, Đại Vương, Vương Minh v.v., còn xưng nước ta là Đại Việt như đã thấy trong bài Khải (啟), Sư dâng lên cho Chúa lúc mới đến Thuận Hoá có những câu: “*...Quý Vương quốc từ xưa khai sáng Thuận Hoá, Thanh Hoá, tám trấn Tam Giang, hùng cứ bốn mươi bảy châu. Quý Đại Vương nổi nghiệp đã có, Kiến Bình, Tân Bình bao la, thiên sơn vạn thủy... Nay kính, Đại Việt đức*

chúa điện hạ ngân an... ”²³. Việc xưng hô và giao hảo thể hiện khí phái oai hùng, thanh cao lịch lãm đỉnh đạt minh chứng cho Minh Vương hiền tài, nhiều oai lực, oai đức phục nhân, hết thảy nhân dân đều kính mến.

Chúa Nguyễn Phúc Chu là người có tầm nhìn sâu rộng có tính chất chiến lược. Đứng về mặt khách quan việc làm của Bồ Tát Nguyễn Phúc Chu có lợi thế cho xu hướng phát triển của lịch sử dân tộc. Mang đậm nét giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, tức là giá trị về tính dân tộc hóa, tự tôn dân tộc và sức tự cường tự chủ quốc gia. Ngày nay, chúng ta lật lại những trang sử Việt hào hùng, không chỉ để ghi nhớ công lao, công đức sâu dày, mà còn là sự khắc ghi vào tấm bia lịch sử dân tộc. Thể hiện tính đặc thù của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam là tinh thần đoàn kết, tinh thần bảo vệ bờ cõi lãnh thổ, bản sắc văn hoá dân tộc. Khi đó, tinh thần của Bồ Tát Nguyễn Phúc Chu – Thiên Túng Đạo Nhân đã truyền nguồn cảm hứng cho thời đại chúng ta phải biết sống xứng đáng với ước vọng của tiền nhân. Luôn phát huy sức mạnh dân tộc, tô đẹp gấm vóc giang sơn, gìn giữ từng tấc đất để không cô phụ ước vọng ngàn xưa.

Ví dụ như trong thời gian Chúa cai trị, rất nhiều thương thuyền của người Tây phương ra vào thường xuyên buôn bán, trao đổi hàng hóa. Chúa chủ trương sách lược dùng người Tây Âu để huấn luyện binh pháp, nhờ vậy mà quân đội đã được tổ chức thành một lực lượng hùng mạnh, đồng thời tiếp thu những mặt thành tựu về khoa học kỹ thuật. Có thể nói Bồ Tát Nguyễn Phúc Chu là người tiên phong áp dụng khoa học kỹ thuật trong quân sự. Giữ vững biên cương, vỗ về lòng dân luôn được an vui, an cư lập nghiệp.

Vì tính chất chiến lược bình an lâu dài cho con cháu, Chúa đã dùng nhiều người có tài nhiếp phục như Nguyễn Hữu Cảnh, Trần Đình Ân, Hoàng Tiên, Dương Ngạn Địch, Mạc Cửu, v.v... để khai khẩn đất hoang mở mang bờ cõi,

áp dụng chính sách cấp đất cho nhân dân phát triển kinh tế và ổn định đời sống.

Trong công việc cải cách hành chính, dưới thời Chúa cũng được cải cách cơ chế tổ chức hành chính từ cấp trung ương cho đến địa phương; định lại quan tước, phẩm hàm. Chúa quan tâm đến việc đào tạo nhân tài và tổ chức thi cử một cách thường xuyên, ổn định để có nhân tài, nhân lực trí thức phục vụ sự phát triển đất nước. Với tầm nhìn chiến lược đó, Chúa đã đặt một nền móng vững chắc cho cả vùng đất Nam Trung Bộ và Nam Bộ ngày nay.

C. Kết Luận

Tóm lại, trong vòng 34 năm ở ngôi Minh Vương - Quốc Chúa, Bồ Tát Thiên Túng Đạo Nhân - Nguyễn Phúc Chu đã đóng góp được nhiều công lao vào việc mở mang, xây dựng và phát triển đất nước, cũng như thực hiện nhiều tiến bộ về kinh tế xã hội ở Kinh thành và Đàng Trong vào đầu thế kỷ XVIII với những thành tựu đạt được:

1 Đặt phủ Bình Thuận²⁴ năm Đinh Sửu (1697); gồm các đất Phan Rang, Phan Rí trở về phía Tây của Tổ quốc.

2 Vào năm Mậu Dần (1698), đặt phủ Gia Định²⁵.

3 Cải cách hành chính, xây dựng và chia đất Đông Phố, lấy xứ Đồng Nai làm huyện Phúc Long, dựng dinh Trấn Biên (Biên Hòa ngày nay).

4 Chinh chu xứ Sài Gòn cho làm huyện Tân Bình, dựng dinh hành chính Phiên Trấn, lập xã Minh Hương.

5 Năm Canh Dần thứ 19 (1710) Hưng Long Bồ Tát cho đúc chuông lớn, dựng bia ghi khắc lịch sử, đến năm Giáp Ngọ năm thứ 23 (1714) Ngài cho trùng tu chùa.

6 Chủ trì Nội triều họp bàn các quan vào năm Nhâm Thân (1692) để khắc chế vua Chiêm là Bà Tranh gây rối làm loạn ở phủ Diên Ninh, Chúa cho quân đi đánh bắt. Thâu phục Chiêm Thành đổi nước Chiêm Thành

làm trấn Thuận Thành, sau đổi thành phủ Bình Thuận.

7 Cảm phục oai đức Quốc Chúa, Ốc Nha Mạc Kính Cửu (鄭敬玖) khai hoang lập 7 xã ở Hà Tiên vào năm Mậu Tý (1708), sau đó, ra Thuận Hóa – Kinh thành Huế dâng thơ lên Quốc Chúa, xin đem đất quy thuận đất nước. Quốc Chúa nhìn nhận đây là việc tốt lành bèn nhận lời và giao cho Mạc Cửu giữ chức Tổng Binh, trấn giữ đất Hà Tiên, vì thế đất nước Việt Nam ta hiện nay mở rộng bờ cõi đến tận Hà Tiên.

8 Nhận thấy Nội triều ổn định, phát triển vững mạnh, để tăng thêm tính hành chính ổn định, vào năm Kỷ Sửu (1709), Chúa ra sắc lệnh sai đúc Ấn Quốc Bảo khắc chữ “Đại Việt Nguyễn Chúa Vĩnh Trấn Chi Bảo”; Quốc ấn đã được lưu truyền sử dụng cho đến các đời vua nhà Nguyễn sau này.

9 Năm 1711, Chúa còn sai các quan văn võ, thiên văn địa lý hội họp quốc sự và sai đo vẽ quần đảo Trường Sa, chính thức xác lập vùng biển đảo Trường Sa vào địa lý Việt Nam.

10 Trong thời gian tại ngôi vị Chúa đã khuyến khích hoàng tộc ăn chay, quy y Tam Bảo, động viên các hoàng thân quốc thích đều xây chùa để làm công đức. Khuyến hóa nhân gian làm lành lánh ác, hiếu kính cha mẹ. Từ đó, tạo tính kế thừa tốt đẹp cho đến ngày nay, quanh năm cơm chay, cỗ chay thường xuyên có mặt trong gia đình người xứ Huế.

Đặc tính nổi bật nhất của Minh Vương - Quốc Chúa Bồ Tát Nguyễn Phúc Chu là đạt được nhiều thành tựu về kinh tế, chính trị - xã hội ổn định, văn hóa - giáo dục phát triển, quân đội quốc phòng hùng mạnh được hòa quyện cùng cốt cách thanh cao, công lao phi thường, nhân văn, nhân bản của bậc có ý chí đại nguyện phục vụ dân tộc, phục vụ Tổ quốc; xứng đáng là vị Quốc Chúa hiền tài, một Bồ Tát vì ý nguyện lợi ích của chúng

sinh mà làm lợi ích đem niềm an vui, an lạc đến chúng sinh.

Thời đại Nguyễn Phúc Chu thể hiện chính là chủ nghĩa yêu nước liên hệ mật thiết với những vấn đề về chính trị, xã hội, bao gồm hệ thống những quan điểm lý luận về dựng nước, đánh giặc giữ nước, dân giàu nước mạnh. Tính đặc thù của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam giai đoạn này là tinh thần đoàn kết, tinh thần bảo vệ bờ cõi lãnh thổ, bản sắc văn hoá dân tộc. Ở những đặc điểm này, nhân cách của một bậc đại nghiệp kiến quốc Bồ Tát Nguyễn Phúc Chu là sự thể hiện, biểu hiện về giá trị kết tinh bản sắc văn hóa truyền thống dân tộc, tinh thần cốt cách thanh cao; thể hiện ý chí và nguyện vọng của nhân dân một cách đậm nét và chủ đạo nhất trong lịch sử Việt Nam cận đại.

Chúa - Bồ Tát Minh Vương Nguyễn Phúc Chu trong sách lược mở rộng bờ cõi, phát triển đạo Phật xứ Đàng Trong đã truyền nguồn cảm hứng định hướng đường lối phát triển cho thế hệ tương lai.

Nhìn dưới góc độ tâm linh, Ông là một Phật hoàng thứ hai như Phật hoàng thời Trần được đại đa số nhân dân kính yêu, chấp thuận và tôn vinh là Bồ Tát Quốc Chúa Minh Vương.

Chú thích

1. Nguyễn Khắc Thuận, 2000. *Thế Thứ Các Triều Vua Việt Nam*, Nxb. Giáo Dục.
2. Khi nối ngôi Chúa Nguyễn Phúc Chu 17 tuổi (năm 1691), lấy hiệu là Thiên Túng Đạo Nhân, một hiệu Vương thể hiện sự tín sùng đạo Phật, còn gọi là **Chúa Minh** hay có sách ghi là Quốc Chúa Minh Vương.
3. Thọ Bồ Tát giới, nghi lễ truyền giới trong Phật giáo. Theo *Hải Ngoại Kỷ Sự* của Thạch Liêm Hòa Thượng: “Sang ngày lễ Phật đản (mùng 8 tháng 4), Quốc chúa khai đàn ở Nội viện, có quốc mẫu, công chúa, hậu cung, quyền thuộc... đồng thọ Bồ tát giới”

4. Viện Khoa học Sử học Huế, *Gia phả sử quán triều Nguyễn*.

5. Cách gọi chung trong sử sách và trong dân gian về một số nhà cai trị các vùng đất từ Thuận Hóa; phía nam đèo Ngang hiện nay vào miền Nam của Việt Nam. Đầu giai đoạn Lê Trung Hưng của nhà Hậu Lê giữa thế kỷ XVI cho đến khi bị nhà Tây Sơn tiêu diệt năm 1777, tức là tiền thân của nhà Nguyễn, triều đại cuối cùng trong các triều đại của Việt Nam.

6. **Đàng Trong** còn gọi cách khác là vùng đất **Nam Hà**, là tên gọi bắt nguồn từ thời Trịnh - Nguyễn phân tranh vào thế kỷ 17, chỉ phần lãnh thổ của đất nước Đại Việt từ sông Gianh ở tỉnh Quảng Bình trở vào miền Nam. Do đặc điểm chính trị - xã hội đặc thù, nên có tên địa lý được gọi như vậy, nhưng về danh nghĩa vẫn cùng một quốc gia Đại Việt. Tên gọi Đàng Trong được dùng để chỉ vùng đất do Chúa Nguyễn kiểm soát, vốn nằm cách xa Trung Quốc hơn, nên mới có tên gọi này so với vùng đất của Chúa Trịnh.

7. H. 菩薩 là cách viết tắt của **Bồ-đề-tát-đóa** (H. 菩提薩埵, S. bodhisattva), cách phiên âm tiếng Phạn bodhisattva sang Hán-Việt, dịch ý là **Giác Hữu Tình** (H. 覺有情), hoặc **Đại sĩ** (H. 大士).

8. Thư viện Khoa học xã hội, 2011. *Đại Nam Thực Lục Tiền Biên*, tham khảo ấn bản lưu trữ.

9. *Phủ Biên Tạp Lục*, Lê Quý Đôn biên soạn, xứ Thuận Hóa gồm: 2 phủ là Triệu Phong và Quảng Bình, được phân thành 8 huyện và 1 châu. **Thuận Hóa** (順化) là địa danh hành chính cũ của vùng đất bao gồm Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên Huế.

10. H. 阮朝 gọi là Nguyễn triều là triều đại phong kiến cuối cùng trong lịch sử Việt Nam. Bắt đầu từ khi Hoàng đế Gia Long lên ngôi năm 1802 sau khi đánh bại nhà Tây Sơn và sụp đổ hoàn toàn khi Hoàng đế Bảo Đại thoái vị vào năm 1945; tổng cộng là 143 năm.

11. Thích Đại Sán, 1963. *Hải Ngoại Ký Sự*, Ủy ban phiên dịch sử liệu Việt Nam, Viện Đại học Huế.

12. *Tứ khố Toàn Thư Tổng Mục Đề Yếu*, quyển 78 chép rằng: “*Hải Ngoại Ký Sự 6 quyển, bản sách do Quốc triều Thích Đại Sán biên soạn và Chiết Giang*

Tuần vũ tìm thấy đem dâng. Đại Sán là Thiên sư ở chùa Trường Thọ, tỉnh Quảng Đông. Mùa xuân năm Ất Hợi triều Khang Hy, Đại Việt Quốc vương mời qua thuyết pháp, hơn một năm lại trở về, nhân ghi chép phong thổ nước ấy và những điều nghe thấy trong khi qua lại trên đại dương. Đại Việt quốc tiên là rể của nước An Nam, chia cứ Nam biên, xưng hiệu Đại Việt.”

13. *Địa chí Thừa Thiên Huế*, 2005. Nxb. Khoa học xã hội.

14. Đánh trận xong, lấy đất đặt làm trấn Thuận Thành. Năm 1693, Chúa lập địa danh hành chính: đạo Phan Rang, thuộc dinh Bình Thuận, sau là trấn Bình Thuận rồi chuyển thành Thuận Thành.

15. 鄭玖, hay Mạc Kính Cửu (鄭敬玖), là một thương gia người Hoa có công khai phá, hình thành vùng đất Hà Tiên (Kiên Giang ngày nay) đầu thế kỷ 18.

16. Trần Trọng Kim, *Việt Nam Sử lược*, Bộ Giáo dục - Trung tâm Học liệu xuất bản, Quyển II, Chương VI.

17. Thư viện Khoa học xã hội, *Hà Tiên Trấn Hiệp Trấn Mạc Thị Gia Phả*.

18. *Sđđ*, *Hà Tiên Trấn Hiệp Trấn Mạc Thị Gia Phả*.

19. Theo Nhà nghiên cứu Phạm Hoàng Quân trong Lời dịch trong *Hải Ngoại Ký Sự*, canh ở đây là chỉ độ dài khoảng cách, là đơn vị đo chiều dài ngày xưa, tức quãng ấy cách Đại Việt 7 canh đường, chừng 700 dặm.

20. Trong sách ghi Quốc Vương tức là Minh Vương - Quốc Chúa Nguyễn Phúc Chu. *Vạn lý Trường Sa*, tức là vùng biển đảo Trường Sa ngày nay.

21. Thích Đại Sán, *Hải Ngoại Ký Sự*, Quyển 3.

22. *Sđđ*, *Việt Nam Sử lược*, Bộ Giáo dục - Trung tâm Học liệu xuất bản.

23. *Sđđ*, *Hải Ngoại Ký Sự*.

24. Năm 1692, Chúa Nguyễn Phúc Chu kinh chiến chiến thắng trọn vẹn mảnh đất còn lại, đặt tên là Thuận Phủ và năm 1694 đặt là Thuận Thành trấn.

25. Theo *Đại Nam Nhất Thống Chí* - Quốc Sử Quán Triều Nguyễn, Chúa Nguyễn Phúc Chu cho lập phủ Gia Định.